

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1 Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua 01 xe ô tô phục vụ chức danh và 04 xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Tên dự toán mua sắm: Mua 01 xe ô tô phục vụ chức danh và 04 xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Tên Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Thời gian thực hiện gói thầu: 5 ngày.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa, thiết bị chào thầu phải đảm bảo mới 100%, đúng chủng loại theo yêu cầu của E-HSMT, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật với đầy đủ các thông số kỹ thuật kèm theo. Đã bao gồm đầy đủ vật tư, phụ kiện kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành theo yêu cầu của chủ đầu tư
- Thời gian bảo hành cho toàn bộ gói thầu tuân thủ yêu cầu E-HSMT và tối thiểu 12 tháng (các phụ kiện đi kèm bảo hành 03 tháng) hoặc theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng (các phụ kiện đi kèm bảo hành không ít hơn 03 tháng), kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu có thể chào 01 lô hoặc nhiều lô.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên tài sản
1	XE Ô TÔ FORD EVEREST PLATIUM <ul style="list-style-type: none">- Màu sắc: Đen- Mã kiểu loại: TEK3f03221- Dung tích xi lanh 1996 cc- Nhiên liệu sử dụng: Diesel- Chất lượng: mới 100%- Số chỗ ngồi: 07 chỗ- Nước sản xuất: Thái Lan

- Năm sản xuất: 2025	
Động cơ & Tính năng Vận hành / Power and Performance	
Động cơ	Bi-Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi, Trục cam kép, có làm mát khí nạp
Dung tích xi lanh (cc)	1996
Công suất cực đại (PS/vòng/phút) (Ps/rpm)	209.8 (154.3 kW) / 3750
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) / (Nm/rpm)	500 / 1750-2000
Hệ thống truyền động	Hai cầu chủ động / 4x4
Hệ thống kiểm soát đường địa hình	Có
Hộp số	Số tự động 10 cấp điện tử
Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
Kích thước / Dimension	
Dài x Rộng x Cao (mm)	4914 x 1923 x 1841
Khoảng sáng gầm xe (mm)	200
Chiều dài cơ sở (mm)	2900
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	80
Hệ thống treo trước / Front Suspension	
Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng
Hệ thống treo sau	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts linkage
Hệ thống phanh / Brake system	
Phanh đĩa trước và sau	Phanh Đĩa
Phanh tay điện tử	Có
Cỡ lốp	255 / 55R20
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 20"
Trang thiết bị an toàn / Safety features	
Túi khí phía trước	Có
Túi khí bên	Có
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
Túi khí bảo vệ đầu gối người lái	Có
Camera	Camera 360
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD	Có

Hệ thống Cân bằng điện tử (ESP)	Có
Hệ thống Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
Hệ thống Kiểm soát đỗ đèo	Có
Hệ thống Kiểm soát tốc độ	Tự động
Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang	Có
Hệ thống Cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
Hệ thống Cảnh báo va chạm và Hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
Hệ thống Kiểm soát áp suất lốp	Có
Hệ thống Chống trộm	Có
Trang thiết bị ngoại thất / Exterior	
Đèn phía trước	LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc
Đèn pha chống chói tự động	Có
Gạt mưa tự động	Có
Đèn sương mù	Có
Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
Cửa hậu đóng/mở điện	Có
Trang thiết bị bên trong xe / Interior	
Khởi động bằng nút bấm Start	Có
Chìa khóa thông minh Entry	Có
Điều hoà nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
Vật liệu ghế	Da cao cấp có thông gió, sưởi ghế
Tay lái bọc da	Có
Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái
Hàng ghế thứ ba gập điện	Có
Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày / đêm
Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế)
Hệ thống âm thanh	AM/FM, MP3, Ipod & USB, Bluetooth, Dàn âm thanh 12 loa B&O
Hệ thống SYNC®	Điều khiển giọng nói SYNC® 4A / Voice Control SYNC® 4A, Màn hình TFT cảm ứng 12",
Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình 12.4"

	Sạc không dây	Có
	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
	Thiết bị kèm theo xe	
	Sàn 360 labor	Có
	Thảm lót chân Labor	Có
	Camera hành trình Vietmap S860	Có
	Phim cách nhiệt 3M Thương gia	Có
	Phủ bóng Ceramic	Có
	Sơn phủ gầm	Có
2	XE Ô TÔ FORD TERRITORY TITANIUM X	
	<ul style="list-style-type: none"> - Mã kiểu loại: JX6470PD6-Tita X - Dung tích xi lanh 1490 cc - Nhiên liệu sử dụng: Xăng - Chất lượng: mới 100% - Số chỗ ngồi: 05 chỗ - Nước sản xuất: Việt Nam - Năm sản xuất: 2025 	
	Động cơ & Tính năng Vận hành / Power and Performance	
	Động cơ	Xăng 1.5L EcoBoost tăng áp I4 Phun xăng trực tiếp
	Dung tích xi lanh (cc)	1490
	Công suất cực đại (PS/vòng/phút)	160 PS(118kW) / 5400-5700rpm
	Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	248Nm / 1500-3500rpm
	Chế độ lái tùy chọn	Có
	Hộp số	Số tự động 7 cấp
	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
	Kích thước / Dimension	
	Dài x Rộng x Cao (mm)	4685 x 1935 x 1706
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	190
	Chiều dài cơ sở (mm)	2726
	Dung tích thùng nhiên liệu (L)	60
	Hệ thống treo trước / Front Suspension	
	Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng,giảm chấn thủy lực
	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo độc lập đa liên kết,lò xo trụ,thanh cân bằng,giảm chấn thủy lực
	Hệ thống phanh / Brake system	
	Phanh trước và sau	Phanh Đĩa

Cỡ lốp	235/50R19
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 19''
Trang thiết bị an toàn / Safety features	
Túi khí phía trước cho người lái và hành khách	Có
Túi khí bên	Có
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
Camera	Camera toàn cảnh
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
Hệ thống chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD	Có
Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)	Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo	Có
Hệ thống kiểm soát hành trình	Kiểm soát hành trình thích ứng
Hệ thống hỗ trợ cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo xe cắt ngang	Có
Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
Hệ thống kiểm soát áp suất lốp	Có
Hệ thống chống trộm	Có
Trang thiết bị ngoại thất / Exterior	
Đèn phía trước	LED, tự động bật đèn
Đèn pha chống chói tự động	Có
Gạt mưa tự động	Có
Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện, sấy
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
Cửa hậu đóng/mở điện	Có
Trang thiết bị bên trong xe / Interior	
Khởi động bằng nút bấm	Có
Chìa khóa thông minh	Có
Khởi động từ xa	Có
Đèn trang trí nội thất	Đa màu
Điều hoà nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
Cửa gió điều hoà sau	Có
Chất liệu ghế	Da cao cấp có thông gió hàng ghế trước
Chất liệu bọc tay lái	Da cao cấp

Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
Điều chỉnh ghế phụ	Chỉnh điện 4 hướng
Gương chiếu hậu trong xe	Điện tử với Camera tích hợp
Cửa kính điều khiển điện (1 chạm lên xuống)	Có (tất cả các ghế)
Kết nối Apple Carplay & Androi Auto	Không dây
Hệ thống âm thanh	8 loa với hệ thống âm thanh vòm
Màn hình giải trí trung tâm	Màn hình TFT cảm ứng 12,3”,
Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình TFT 12,3”
Sạc không dây	Có
Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
Thiết bị kèm theo xe	
Sàn 360 labor	Có
Thảm lót chân Labor	Có
Camera hành trình Vietmap S860	Có
Phim cách nhiệt 3M Thương gia	Có

3	XE TOYOTA CAMRY HEV MID CE	
	<p>Chất lượng xe: mới 100%</p> <p>Hộp số tự động vô cấp – 05 chỗ ngồi</p> <p>Động cơ 2.5L–Hybrid - máy xăng + điện</p> <p>Sản xuất năm 2025</p>	
	THÔNG SỐ KỸ THUẬT CAMRY HEV MID CE	
	THÔNG TIN CHUNG	
	Màu sắc	Đen
	Số chỗ	5
	Kiểu dáng	Sedan
	Xuất xứ	Thái Lan
	Nhiên liệu	Xăng
	ĐỘNG CƠ & KHUNG XE	
	Kích thước	
	Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm)	4920 x 1840 x 1445
	Chiều dài cơ sở (mm)	2825
	Chiều rộng cơ sở (Trước/Sau) (mm)	1580/1590
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	140
	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	5.8
	Trọng lượng không tải (kg)	1665
	Trọng lượng toàn tải (kg)	2100
	Dung tích bình nhiên liệu (L)	50
	Tiêu chuẩn khí thải	
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5 w OBD

Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)		
Trong đô thị	4.4	
Ngoài đô thị	4.11	
Kết hợp	4.22	
Động cơ thường		
Loại động cơ	A25A-FXS	
Số xy lanh	4 xy lanh thẳng hàng	
Dung tích xy lanh (cc)	2487	
Hệ thống van biến thiên	VVT-iE	
Loại nhiên liệu	Xăng	
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	(137)184/ 5700	
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	221/ 3600-5200	
Động cơ điện		
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	100	
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	202	
Ắc quy Hybrid		
Loại	Lithium	
Truyền lực		
Loại dẫn động	Dẫn động cầu trước	
Hộp số	Số tự động vô cấp E-CVT	
Các chế độ lái	3 chế độ (Tiết kiệm, thường, thể thao)	
Hệ thống treo		
Trước	Mc Pherson	
Sau	Tay đòn kép	
Hệ thống lái		
Loại	Trợ lực điện	
Vành & lốp xe (bao gồm lốp dự phòng)		
Loại vành	Hợp kim	
Kích thước lốp	235/45R18	
Phanh		
Sau	Đĩa đặc	
Trước	Đĩa tản nhiệt	
NGOẠI THẤT		
Cụm đèn trước		
Đèn chiếu gần	LED dạng bóng chiếu	
Đèn chiếu xa	LED dạng bóng chiếu	
Đèn chiếu sáng ban ngày	LED	
Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có	
Hệ thống cân bằng góc chiếu	Chỉnh cơ	
Cụm đèn sau		
Đèn vị trí	LED	
Đèn phanh	LED	
Đèn báo rẽ	LED	
Đèn lùi	LED	
Đèn báo phanh trên cao		
Loại	LED	

Gạt mưa		
Trước	Gạt mưa tự động	
Chức năng sấy kính sau		
Chức năng sấy kính sau	Có	
Ăng ten		
Ăng ten	Tích hợp kính sau	
Tay nắm cửa ngoài xe		
Tay nắm cửa ngoài xe	Cùng màu thân xe	
Gương chiếu hậu ngoài		
Chức năng điều chỉnh điện	Có	
Chức năng gập điện	Tự động	
Tích hợp đèn báo rẽ	Có	
Tích hợp đèn chào mừng	Có	
Chức năng tự điều chỉnh khi lùi	Có	
Bộ nhớ vị trí	Có (2 vị trí)	
Đèn sương mù		
Trước	LED	
NỘI THẤT		
Tay lái		
Loại tay lái	3 chấu	
Chất liệu	Da	
Nút bấm điều khiển tích hợp	Có	
Điều chỉnh	Chỉnh điện 4 hướng	
Lấy chuyển số	Có	
Bộ nhớ vị trí	Có	
Gương chiếu hậu trong		
Gương chiếu hậu trong	Chống chói tự động	
Tay nắm cửa trong xe		
Tay nắm cửa trong xe	Mạ crôm	
Cụm đồng hồ		
Loại đồng hồ	Digital	
Đèn báo chế độ Eco	Không	
Đèn báo hệ thống Hybrid	Có	
Màn hình hiển thị đa thông tin	TFT 12.3'	
GHẾ		
Ghế trước		
Chất liệu bọc ghế	Da	
Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng	
Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện 10 hướng	
Bộ nhớ vị trí	Ghế người lái (2 vị trí)	
Ghế sau		
Hàng ghế thứ hai	Ngả lưng chỉnh điện	
Tựa tay hàng ghế sau	Có khay đựng ly	
TIỆN NGHI		
Hệ thống âm thanh		
Màn hình	Màn hình cảm ứng 12.3 inch	
Số loa	9 loa JBL	

Cổng kết nối USB	Có	
Kết nối Bluetooth	Có	
Hệ thống điều khiển bằng giọng nói	Có	
Chức năng điều khiển từ hàng ghế sau	Có	
Hệ thống đàm thoại rảnh tay	Có	
Kết nối điện thoại thông minh	Có	
Các tiện nghi khác		
Cửa sổ trời	Có	
Rèm che nắng kính sau	Chỉnh điện	
Rèm che nắng cửa sau	Chỉnh tay	
Hệ thống điều hòa	Tự động 3 vùng độc lập	
Cửa gió phía sau	Có	
Cổng kết nối USB phía sau	Có	
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm	Có	
Phanh tay điện tử	Có	
Hiển thị thông tin trên kính lái	Có	
Sạc không dây	Có	
Cửa sổ điều chỉnh điện	Có	
Chức năng khóa cửa từ xa	Có	
Khóa cửa điện	Có (Tự động theo tốc độ)	
AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM		
Hệ thống báo động		
Hệ thống báo động	Có	
Hệ thống mã hóa khóa động cơ		
Hệ thống mã hóa khóa động cơ	Có	
AN TOÀN BỊ ĐỘNG		
Hệ thống an toàn chủ động Toyota Safety Sense		
Cảnh báo tiền va chạm (PSC)	Có	
Hỗ trợ giữ làn đường	Có	
Điều khiển hành trình chủ động	Có (Mọi dải tốc độ)	
Đèn chiếu xa tự động	Có	
Cảnh báo lệch làn đường (LDA)	Có	
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe		
Sau	Có(2)	
Góc trước	Có(2)	
Góc sau	Có(2)	
Trước	Có (2)	
Các tính năng an toàn chủ động khác		
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có	
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có	
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có	
Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)	Có	
Hệ thống kiểm soát lực kéo (A-TRC)	Có	
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	Có	
Hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS)	Có	
Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)	Có	

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)	Có
Camera hỗ trợ đỗ xe	Camera lùi
Phanh hỗ trợ đỗ xe	Có
Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn	Có
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG	
Túi khí	
Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có (2)
Túi khí bên hông phía trước	Có(2)
Túi khí rèm	Có(2)
Túi khí đầu gối người lái	Có(1)
Khung xe GOA	
Khung xe GOA	Có
Dây đai an toàn	
Dây đai an toàn	3 điểm ELR, 5 vị trí

1.3. Các yêu cầu khác

Lưu ý:

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “Tương đương” hoặc “Tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT;

- Từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalogue, đặc tính thông số kỹ thuật hoặc xuất xứ nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương so với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho bất kỳ nhà thầu nào đó;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật không theo yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu có tài liệu chứng minh hàng hóa đó có công năng sử dụng tương đương với hàng hóa mời thầu và phù hợp với yêu cầu của người sử dụng. Tổ chuyên gia sẽ xem xét, đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo bảng sau:

STT	Tên thiết bị theo E-HSMT	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật chào thầu	Mã hàng	Nhãn Hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tài liệu tham chiếu	Tuyên bố đáp ứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa 1:	- Tính năng kỹ thuật 1							Trang ... của Tài liệu	

									tham chiếu	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---------------	--

Ghi chú:

- + Cột 1, 2, 3: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- + Cột 4,5,6,7,8,9: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;
- + Cột 10: Nhà thầu ghi thông tin theo tài liệu chứng minh cho các thông tin nhà thầu kê khai tại cột (4); Trường hợp nhà thầu không chỉ rõ xem như nhà thầu không đáp ứng tiêu chí này.
- + Cột 11: Nhà thầu ghi khả năng đáp ứng của nhà thầu: **Đáp ứng, Tương Đương, Tốt hơn, Thấp hơn;**

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Nhà thầu cam kết trước khi giao hàng nếu Chủ đầu tư yêu cầu thì sẽ đi thực tế tại cơ sở sản xuất thiết bị để kiểm tra năng lực sản xuất, chất lượng thiết bị của nhà thầu/ nhà thầu phụ. Nhà thầu chuẩn bị tất cả các tài liệu cần thiết kèm theo (nếu cần) để chứng minh năng lực sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm đáp ứng theo hợp đồng ký kết. Toàn bộ chi phí nhà thầu chịu.